

MỘT SỐ THÀNH TỰU ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 1975 - 1986

TS NGUYỄN THỊ TUYẾT

Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

BÙI THỊ HỒNG GIANG

Trường Đại học Hoa Lư

Ngày nhận:

4-8-2023

Ngày thẩm định, đánh giá:

27-10-2023

Ngày duyệt đăng:

10-11-2023

Tóm tắt: Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tiến trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm mang đến cuộc sống tự do, ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Trong điều kiện hòa bình, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được biểu hiện cụ thể là nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài viết tập trung trình bày nội dung thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong những năm 1975 - 1986, những kết quả đạt được và một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong hoạch định đường lối xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Từ khóa:

Độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, 1975-1986

1. Thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1975 - 1986

Dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH đã được Đảng khẳng định ngay trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2-1930): “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹ và trở thành tư tưởng nhất quán trong tư duy lý luận và mọi hoạt động thực tiễn của Đảng. Tùy vào hoàn cảnh, điều kiện, yêu cầu của mỗi giai đoạn

lịch sử, mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH đặt ra những nhiệm vụ cách mạng cụ thể. Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước và sau đó vừa kháng chiến, vừa chiến quốc. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1954), miền Bắc được giải phóng, quá độ đi lên xây dựng CNXH; miền Nam kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và tay sai. Năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cùng tiến lên thực hiện nhiệm vụ xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, cả nước cùng thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong bối cảnh mới.

Thứ nhất, thực hiện thống nhất đất nước về mặt Nhà nước

Việt Nam tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất ngày 25-4-1976. Quốc hội khóa VI, Kỳ họp thứ nhất (24-6 - 3-7-1976) tại Hà Nội, đã quyết định các vấn đề quan trọng: đặt tên nước là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc kỳ nền đỏ sao vàng; Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô là Hà Nội; quyết định thành phố Sài Gòn mang tên Thành phố Hồ Chí Minh và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Quốc hội bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước; đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ. Tháng 6-1976, các tổ chức quần chúng như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn tiến hành hội nghị hợp nhất, thống nhất cơ quan lãnh đạo chung trên cả nước.

Việc thống nhất về mặt Nhà nước tạo nên sự ổn định về chính trị - xã hội, thuận lợi để Đảng thống nhất sự lãnh đạo toàn diện, đưa cả nước tiến lên xây dựng CNXH.

Thứ hai, đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Đại hội IV (12-1976) của Đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới là: “hoàn thành thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”²; đồng thời xác định rõ đặc điểm, nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng XHCN ở Việt Nam: “Nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”³; Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng XHCN ở Việt Nam là: “Năm

vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”⁴. Đường lối về cách mạng XHCN của Đảng thể hiện nhận thức mới với bốn đặc trưng cơ bản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn, nền văn hóa mới, con người mới XHCN; coi chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng CNXH.

Tại Đại hội IV của Đảng đã xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ... vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới”⁵. Từ đó, Đại hội đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980) và nhiệm vụ cụ thể cho miền

Bắc là tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN; miền Nam tiến hành cải tạo XHCN đồng thời với xây dựng quan hệ sản xuất XHCN.

Thứ ba, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, miền Nam tiến hành cải tạo XHCN đối với thành phần kinh tế công thương nghiệp tư bản tư doanh và cá thể. Quốc hữu hóa các cơ sở sản xuất, kinh doanh của tư bản nước ngoài; xây dựng hình thức xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh và xí nghiệp hợp tác, gia công. Đảng chủ trương xóa bỏ bóc lột ở nông thôn, đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp. Ở miền Bắc, tiến hành củng cố quan hệ sản xuất XHCN trong nông nghiệp, hợp tác xã mở rộng quy mô, tổ chức theo hướng tập trung, chuyên môn hóa, cơ giới hóa. Đầu tư các ngành công nghiệp cơ bản trên cả nước.

Thứ tư, thực hiện nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc

Sau khi đất nước Việt Nam đã được hòa bình, thống nhất, các thế lực phản động trong, ngoài nước vẫn không ngừng tìm cách chống phá, gây trở ngại cho công cuộc xây dựng xã hội mới. Càng thẳng nhất là các hoạt động quân sự của Pol Pot từ Campuchia tấn công sang Việt Nam, giết hại nhân dân, ngay từ tháng 5-1975. Sau đó, họ huy động một lực lượng lớn quân đội tiến hành chiến tranh xâm lược vùng biên giới Tây Nam Việt Nam. Quân, dân Việt Nam đã kiên quyết tiến công, đánh đuổi quân xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Năm 1978, đáp lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc cứu nước Campuchia, quân đội tình nguyện Việt Nam đã sang giúp đỡ nhân dân Campuchia đánh đổ tập đoàn Pol Pot phản động và chế độ diệt chủng, giải phóng thủ đô Phnôm Pênh ngày 7-1-1979. Việt Nam xác định mối quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng, với 3 nước Đông Dương là mối quan hệ sống còn. Ngày 18-2-1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị

và hợp tác. Tiếp đó, Việt Nam đã tích cực hỗ trợ Campuchia hồi phục sau chiến tranh với tinh thần quốc tế trong sáng, được nhân dân Campuchia và thế giới ghi nhận. Cựu Quốc vương Norodom tùm nói: “Nếu Việt Nam không đánh đuổi bọn Pol Pot thì tất cả mọi người Campuchia có thể đã bị chết... Chúng ta có thể nói rằng Đảng Nhân dân không mắc sai lầm khi đề nghị Việt Nam giúp đỡ..., bởi vì nếu chúng ta không được giải phóng khỏi bọn Pol Pot thì toàn dân tộc có thể đã bị tiêu diệt”⁶⁶.

Tháng 2-1979, 60 vạn quân Trung Quốc mở cuộc tấn công 6 tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, quân và dân Việt Nam đã kiên cường chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc. Đến tháng 3-1979, quân đội Trung Quốc rút khỏi lãnh thổ Việt Nam nhưng tiếp tục gây sức ép, tiến hành bắn phá một số vùng biên giới của Việt Nam. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của quân và dân Việt Nam tiếp tục kéo dài đến năm 1989, giữ vững nền độc lập của dân tộc. Cũng trong thời gian này, quân và dân Việt Nam còn tổ chức đấu tranh làm thất bại các âm mưu, hành động gây rối, phá hoại của các lực lượng phản động có vũ trang ở Tây Nguyên (FULRO) và lực lượng phản động lưu vong từ nước ngoài về nước chống phá cách mạng.

Thứ năm, từng bước khảo nghiệm thực tiễn, tìm đường lối đổi mới đất nước

Nhân dân cả nước xây dựng CNXH trong hoàn cảnh Mỹ và các thế lực thù địch thực hiện chính sách cấm vận, bao vây, cô lập kéo dài; những hạn chế của cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp, đầu tư công nghiệp không hiệu quả, các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội không đạt dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trước tình hình đó, cần phải tìm đường lối đổi mới, đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đảng đã nghiên cứu lý luận và thực tiễn những mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh thành công ở cơ sở để dần hình thành đường lối đổi mới.

Bước đột phá thứ nhất: HNTU 6 khóa IV (8-1979) chủ trương: Các chính sách phải thúc đẩy sản xuất bùng nổ, khuyến khích mọi người lao động, mọi năng lực sản xuất và các thành phần kinh tế làm ra nhiều của cải vật chất; chú trọng kế hoạch với thị trường, vận dụng các quan hệ thị trường; duy trì 5 thành phần kinh tế ở miền Nam.

Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW “Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”. Trong công nghiệp, ngày 21-1-1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP về “Một số chủ trương và biện pháp nhằm tiếp tục phát huy quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh”; Quyết định số 26-CP về “Mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh của Nhà nước nhằm tạo động lực cho người lao động hăng hái lao động sản xuất”. Ngày 23-6-1980, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 26-NQ/TW “Về cải tiến công tác phân phối lưu thông”.

Đại hội V (1982) của Đảng đã nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: “Một là, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; Hai là sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược đó quan hệ mật thiết với nhau. Trong khi không một phút lơ lửng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁷⁷. Đại hội đã có nhận thức mới về thời kỳ quá độ lên CNXH khi xác định: quá độ lên CNXH là một thời kỳ lịch sử lâu dài, trải qua nhiều chặng đường, với những bước đi cụ thể. Trong đó, chặng đường trước mắt 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990, lần đầu tiên Đảng đề cập đến *chặng đường đầu tiên* của thời kỳ quá độ. Đại hội điều

chỉnh nội dung, bước đi của công nghiệp hóa, trước hết cần tập trung phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; ra sức đẩy mạnh hàng tiêu dùng; tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; khẳng định trong một thời gian nhất định ở miền Nam vẫn tồn tại 5 thành phần kinh tế gồm: quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư doanh. Tuy nhiên, những nhận thức mới của Đảng tại Đại hội V mới chỉ diễn ra trong khuôn khổ đổi mới bộ phận, từng phần trong quá trình từng bước tìm tòi đổi mới tư duy kinh tế và chỉ đạo thực tiễn của Đảng.

Bước đột phá thứ hai: HNTU 8 khóa V (6-1985) của Đảng đã họp bàn về lưu thông, phân phối giá - lương - tiền. Hội nghị khẳng định: không thể ổn định được tình hình kinh tế và đời sống, cân bằng được ngân sách và tiền mặt trong khi vẫn duy trì bao cấp theo giá và lương. Hội nghị chủ trương: Phải dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN.

Bước đột phá thứ ba: Tháng 8-1986, Hội nghị Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã thảo luận và đưa ra kết luận ba vấn đề lớn về kinh tế thời kỳ quá độ: Về cơ cấu kinh tế: Đảng chủ trương điều chỉnh lớn cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư theo hướng lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng phát triển có chọn lọc. Về cải tạo XHCN: Đây là nhiệm vụ phải tiến hành thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, tồn tại nhiều thành phần kinh tế; kinh tế XHCN (quốc doanh và tập thể) giữ vai trò chủ đạo. Về cơ chế quản lý: Đảng chủ trương lấy kế hoạch làm trung tâm, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ, dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, vận dụng quy luật giá trị, thực hiện cơ chế một giá. Trên cơ sở những quan điểm của Bộ Chính trị, tháng 11-1986, HNTU 11 khóa V của Đảng đã

thông qua Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội VI (12-1986) của Đảng, xác định đường lối đổi mới.

2. Đánh giá quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1975-1986

Quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH giai đoạn 1975-1986 đã đạt được những thành tựu:

Thứ nhất, Đảng đã hình thành nhiệm vụ, mục tiêu chiến lược là xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và XHCN; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

Thứ hai, xác định đúng 3 đặc điểm của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Đưa ra bước điều chỉnh, phân kỳ trong xây dựng CNXH khi xác định nhiệm vụ chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Xác định lý luận mới về cơ cấu kinh tế, cách thức thực hiện, tạo tiền đề hoàn thiện về con đường đi lên CNXH.

Thứ ba, đất nước hoàn thành quá trình thống nhất về mặt Nhà nước, tạo nên sự đồng thuận trong xã hội sau 30 năm tiến hành chiến tranh giải phóng đất nước.

Thứ tư, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền biên giới quốc gia, bảo vệ thành quả cách mạng; làm thất bại âm mưu chống phá Đảng, mưu đồ bạo loạn lật đổ chính quyền cách mạng của các thế lực phản động.

Thứ năm, Việt Nam hoàn thành nghĩa vụ quốc tế đối với Campuchia. Thất chặt quan hệ quốc tế với Liên Xô, với Lào, với Campuchia, tham gia các tổ chức mang tầm quốc tế và quan hệ hợp tác với 23 nước TBCN. Từng bước tiến tới bình thường hóa, phá vỡ thế bao vây, cấm vận.

Thứ sáu, trên lĩnh vực kinh tế, Việt Nam đã đạt được một số kết quả nhất định: tổng sản lượng lương

thực tăng từ 13,4 triệu tấn trong các năm 1976-1980 lên 17 triệu tấn những năm 1981-1985. Sản xuất công nghiệp trong giai đoạn 1981-1985 tăng bình quân 9,5%/năm so với 0,6%/năm trong giai đoạn 1976-1980. Cơ sở vật chất - kỹ thuật tăng cường trên cả nước, với những công trình quan trọng trên các lĩnh vực điện, cơ khí, luyện kim, dầu khí, thủy lợi, làm tiền đề cho công cuộc đổi mới sau này. Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế SEV, tháng 9-1979 trở thành thành viên của IMF, WB, ADB, tăng cường quan hệ với Liên Xô, mở rộng quan hệ với các nước TBCN. Đặc biệt, từ năm 1979, trước khó khăn của tình hình kinh tế - xã hội, trong đó điểm nổi bật là sự không phù hợp của cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp trong hoàn cảnh lịch sử mới của đất nước, Đảng đã từng bước khảo nghiệm thực tiễn, tìm tòi đổi mới tư duy kinh tế, cơ bản hình thành đường lối đổi mới đất nước. Đó là cơ sở lý luận để hình thành đường lối đổi mới đất nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH còn một số hạn chế:

Thứ nhất, mô hình CNXH với cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, kế hoạch hóa cao độ đã bộc lộ nhiều khuyết tật, không còn phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước và xu thế phát triển của thế giới trong giai đoạn 1975-1986.

Thứ hai, trong lãnh đạo cải tạo XHCN và trong xây dựng CNXH, Đảng nhận thức còn giản đơn về CNXH và con đường đi lên CNXH, chưa nắm bắt đúng các quy luật vận động đi lên CNXH từ một nền sản xuất nhỏ còn mang nặng tính tự cấp, tự túc.

Thứ ba, trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng bộc lộ nhiều hạn chế, do đó tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam đối mặt với rất nhiều khó khăn, lâm vào khủng hoảng: Sản xuất tăng chậm, không tương xứng với điều kiện tự nhiên và nguồn lực lao động; không đáp ứng được yêu cầu cải thiện đời sống nhân dân; hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp; tài nguyên của

đất nước chưa được khai thác tốt, bị sử dụng lãng phí; phân phối lưu thông rối ren; vật giá tăng nhanh, ngân sách thiếu hụt; lạm phát tăng cao.

Thứ tư, quan hệ sản xuất XHCN chậm được củng cố, vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu. Đời sống nhân dân, nhất là công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn. Tiêu cực trong xã hội phát triển, công bằng xã hội bị vi phạm, pháp luật, kỷ cương không nghiêm minh. Quần chúng nhân dân suy giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước.

Một số kinh nghiệm

Từ quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH giai đoạn 1975-1986, có thể rút ra một số bài học sau:

Thứ nhất, luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng; không ngừng xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng XHCN.

Thứ hai, trong vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin cần đảm bảo tính phổ biến và tính đặc thù, tôn trọng và đảm bảo đúng quy luật khách quan, tránh chủ quan, giáo điều, duy ý chí, đốt cháy giai đoạn.

Thứ ba, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tổng kết thực tiễn, đánh giá, rút kinh nghiệm, bổ sung, hoàn thiện lý luận, chủ trương, chính sách phù hợp thực tiễn.

Thứ tư, xây dựng đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, định hướng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, mọi chủ trương, chính sách phải bắt đầu từ thực tiễn, từ nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân, vì nhân dân, thật sự lấy dân làm gốc.

Thứ sáu, phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Thứ bảy, phát huy, kết hợp tổng hợp nội lực và ngoại lực trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Trong đó cần hết sức lưu ý phải đánh giá đúng sự vận động, biến đổi của bối cảnh quốc tế, khu vực; bám sát thực tiễn đất nước, kịp thời điều chỉnh chủ trương, chính sách đối ngoại, thường xuyên phòng, tránh nguy cơ chệch hướng XHCN, mất độc lập, tự chủ về đường lối đối ngoại; coi trọng công tác dự báo, tổng kết thực tiễn; tích cực thiết lập các mối quan hệ với các nước lớn và nhất là các nước láng giềng.

Quá trình thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1975-1986 cho thấy, trong những hoàn cảnh chông chát khó khăn từ nhiều phía, nhưng Đảng và nhân dân vẫn luôn vững vàng kiên định vượt qua mọi khó khăn, thách thức, từng bước tìm tòi, khảo nghiệm tìm cách đi và bước đi phù hợp trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH; đồng thời, giữ vững độc lập, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự xã hội. Thực tế cho thấy, độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để xây dựng CNXH, CNXH là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc. Những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình hiện mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH giai đoạn 1975-1986 chính là cơ sở lý luận và thực tiễn giúp cho Đảng trưởng thành và vững vàng hơn trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước, nhằm hoàn thành mục tiêu xây dựng thành công CNXH ở Việt Nam và tiếp tục kiên định mục tiêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1998, T. 2, tr. 2
- 2, 3, 4, 5. *Sđđ*, 2004, T. 37, tr. 143, 988, 523-524, 524
6. <https://vtc.vn/con-trai-thu-tuong-hun-sen-the-gioi-lam-ngo-3-trieu-nguoi-campuchia-chet-duoi-tay-khmer-do-chi-co-viet-nam-giup-do-ar500783.html>
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2005, T. 43, tr. 53.